

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15-12-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thương và ông Nguyễn Văn Cao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị G, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Bình . *Có mặt*

- *Bị đơn:* Anh Lê Anh T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Bình . *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị G trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Anh Tuấn đăng ký kết hôn vào ngày 27/4/2015 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Vì vậy, chị G đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ sinh sống từ tháng 06/2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, hạnh phúc không thể hàn gắn, nên chị G yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị G khai nhận vợ chồng có 02 con chung Lê Tấn P, sinh ngày 23/4/2016 và Lê Thanh N, sinh ngày 17/10/2018, hiện tại cả hai con đang

ở với anh T tại nhà ông bà nội. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị Hoàng Thị G trình bày vợ chồng không có tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 29/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Anh T trình bày:

Về thời gian địa điểm, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, mâu thuẫn và thời gian sống ly thân giữa hai vợ chồng giống như chị G đã trình bày nên anh không có ý kiến gì thêm. Tuy nhiên, về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ cách sống thiếu tình cảm và cách cư xử không đúng mực của chị G đối với hai bên nội, ngoại, con cái. Trong thời gian sống ly thân, anh T đã nhiều lần đến gặp chị G nhằm hòa giải tình cảm vợ chồng để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng chị G nhất quyết ly hôn và có lời lẽ xúc phạm anh. Hiện tại, anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, cho nên anh không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau chăm sóc 02 con đang còn nhỏ. Trong trường hợp chị G nhất quyết ly hôn, anh T có yêu cầu được nuôi cả hai con, vì hiện tại các con đang ở với anh. Mặt khác, trong thời gian sống ly thân, chị G đã bỏ về nhà ngoại ở và không quan tâm đến con, bỏ mặc các con cho anh chăm sóc, cho nên anh không yên tâm giao hai con cho chị G nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, chị G giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, cho nên anh T đồng ý thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, về con chung các bên đương sự đều có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nơi bị đơn cư trú. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình thụ lý và giải quyết yêu cầu của các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đã có đủ căn cứ xác định: Chị Hoàng Thị G và anh Lê Anh T đã đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện theo đúng quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho nên việc kết hôn của các đương sự là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[3] Về tình cảm: Theo lời khai nhận của các đương sự, sau khi kết hôn được một thời gian, thì tình cảm vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn,

dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 6/2020 cho đến nay. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn xuất phát từ trong lối sống, suy nghĩ khác nhau, nên giữa hai người thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải, động viên các bên bỏ qua cho nhau những mâu thuẫn, xung đột trong cuộc sống vợ chồng để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng đều không có kết quả. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định các đương sự đã sống ly thân nhau trong một thời gian dài, dẫn đến tình cảm vợ chồng thực sự phai nhạt, không còn thương yêu, quý trọng lẫn nhau, đời sống hôn nhân trên thực tế không còn tồn tại, mâu thuẫn đến mức trầm trọng, khó có thể hàn gắn. Do đó, chỉ việc chị G yêu cầu ly hôn anh T là có cơ sở, đúng với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; phù hợp với ý chí, nguyện vọng của các bên nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con, vì không mong muốn chia cắt tình cảm anh, em của các con sau khi ly hôn. Xét thấy, nguyện vọng được nuôi cả 02 con của các đương sự là chính đáng, thể hiện được trách nhiệm, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Tuy nhiên, xét về độ tuổi, giới tính của các cháu, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu gái Lê Thanh N, sinh ngày 17/10/2018 (*Chưa đủ 36 tháng tuổi*) cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu trai Lê Tấn P, sinh ngày 23/4/2016 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nuôi và không buộc bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau theo ý kiến của các đương sự là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh sinh sống của các bên và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị G ly hôn anh Lê Anh T.
2. Về nuôi con: Giao cháu Lê Tấn P, sinh ngày 23/4/2016 cho anh Lê Anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Giao cháu Lê Thanh N, sinh

ngày 17/10/2018 cho chị Hoàng Thị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Chị G và anh T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị G phải chịu nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng chị G được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0000477 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Đương sự đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/12/2020)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Cục THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã B, huyện C, QB;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Trung Thành

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trung Thành

Nguyễn Thị Thương Nguyễn Văn Cao

